

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **05** /2015/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày **08** tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S
	Ngày: 13/5

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 77/TTr-STC ngày 19/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Quy định tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Phân loại khu vực:

1.1. Khu vực 1: Gồm các xã đặc biệt khó khăn và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Khu vực 2: Gồm các xã của các huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập (Trừ các xã, thôn quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều này).

1.3. Khu vực 3: Gồm thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập và các xã, thị trấn của các huyện: Đoan Hùng (trừ thị trấn Đoan Hùng và xã Sóc Đăng); huyện Hạ Hòa; huyện Cẩm Khê; huyện Thanh Ba (trừ thị trấn Thanh Ba); huyện Thanh Thủy (trừ thị trấn Thanh Thủy, xã Bảo Yên và xã Hoàng Xá); huyện Tam Nông (trừ thị trấn Hưng Hóa và xã Cổ Tiết); huyện Phú Ninh (trừ thị trấn Phong Châu và các xã: Phú Lộc, Phú Ninh, Tử Đà, An Đạo, Tiên Du và Vĩnh Phú).

1.4. Khu vực 4: Gồm thị trấn Đoan Hùng, xã Sóc Đăng huyện Đoan Hùng; thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba; thị trấn Thanh Thủy, xã Bảo Yên, xã

Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy; thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn; thị trấn Hưng Hóa, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông; thị trấn Phong Châu, xã Phú Lộc, xã Phù Ninh, xã Từ Đà, xã An Đạo, xã Tiên Du, xã Vĩnh Phú huyện Phù Ninh; huyện Lâm Thao; Thị xã Phú Thọ và Thành phố Việt Trì.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá:

STT	Địa bàn áp dụng	Mức áp dụng (%)	Riêng với hoạt động khai thác khoáng sản (%)
1	Khu vực 1	0,5	0,7
2	Khu vực 2	0,6	0,8
3	Khu vực 3	0,8	1,0
4	Khu vực 4	1,0	1,2

3. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm:

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất):

- Trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm, đơn giá thuê đất được xác định bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê xác định bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Điểm a Khoản này.

4. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước:

Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê hàng năm, đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Riêng các dự án khai thác khoáng sản: Đơn giá thuê hàng năm, đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê bằng 100% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 2. Căn cứ giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định, Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỷ lệ % để xác định đơn giá thuê đất, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm quy định tại Quyết định này, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Phú Thọ quyết định đơn giá thuê đất, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm đối với tổ chức, người Việt Nam

định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi cục trưởng Chi cục thuế xác định đơn giá thuê đất, thuê đất có mặt nước, thuê đất để xây dựng công trình ngầm đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất đối với các trường hợp thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất có mặt nước, thuê đất xây dựng công trình ngầm quy định tại Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2015.

Những nội dung khác liên quan đến việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Phú Thọ, Chi cục trưởng Chi cục thuế các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- CVP, các PVP, CV NCTH;
- Website Chính phủ;
- Công báo (2b);
- Lưu VT, TH2 (H.100b) /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Chu Ngọc Anh